

Số: 242/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 23/2026/TLST-HNGĐ ngày 14/01/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Trần Anh C**, sinh ngày 15/9/1978. Căn cước công dân số 037xxxxxxxxx, cấp ngày 24/4/2023 tại Cục C1 về TTXH. Địa chỉ thường trú: 3 N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 12/01/1983. Căn cước công dân số 031xxxxxxxxx, cấp ngày 20/4/2023 tại Cục C1 về TTXH. Địa chỉ thường trú: 3 N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Trần Anh C và bà Nguyễn Thị T cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông C và bà T cùng có địa chỉ cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hải Phòng) cấp ngày 09/9/2005 thì ông C và bà T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định

của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông C và bà T thì hai bên đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Xét thấy sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa công nhận.

[4] Về con chung: Cả hai khai có 02 con chung tên Trần Hải N, sinh ngày 01/3/2006 (đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Trần Nguyễn Phương T1, sinh ngày 19/5/2016. Ly hôn, cả hai thỏa thuận giao con chung Trần Nguyễn Phương T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái luật nên Tòa công nhận.

[5] Về tài sản chung: Cả hai khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[6] Về nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa không xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Trần Anh C và bà Nguyễn Thị T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trần Anh C và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cả hai có 02 con chung tên Trần Hải N, sinh ngày 01/3/2006 (đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Trần Nguyễn Phương T1, sinh ngày 19/5/2016. Giao con chung tên Trần Nguyễn Phương T1, sinh ngày 19/5/2016 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông C do bà T không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Trần Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Nguyễn Thị T cùng gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Cả hai khai không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Anh C và bà Nguyễn Thị T chịu lệ phí là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng được căn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng mà đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số 0056565 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường H, thành phố Hải Phòng (để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 49, quyển số 01 ngày 09/9/2005 của UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Hiếu